

BAN XÚC TIẾN VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUẢNG NINH	
ĐẾN	Số: 1500 Ngày: 31.6.14.
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt “Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

Căn cứ Luật số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011–2020;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”;

Căn cứ Nghị quyết 135/NQ-HĐND ngày 14/3/2014 về việc thông qua Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 428/TTr-KHCN, ngày 05/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh, là nền tảng quan trọng cho việc chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế nhanh và bền vững, phát triển văn hóa – xã hội theo hướng hiện đại; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống nhân dân.

b) Hoạt động khoa học và công nghệ phải có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện đầu tư ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính để phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; tập trung hỗ trợ hoạt động công nghệ cao của Tỉnh trong các lĩnh vực: công nghiệp, du lịch, dịch vụ và nông nghiệp. Tận dụng vị thế địa lý thuận lợi của Tỉnh tiếp giáp trực tiếp với các nước có trình độ khoa học và công nghệ phát triển trong khu vực để phát triển khoa học và công nghệ của Tỉnh.

c) Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ phải đồng bộ giữa đào tạo, thu hút đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, đội ngũ công nhân lành nghề có trình độ, chất lượng và cơ cấu hợp lý cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; Phát triển hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, hệ thống doanh nghiệp khoa học và công nghệ để từng bước hình thành mô hình khoa học và công nghệ tiên tiến của Quảng Ninh.

d) Phát triển khoa học và công nghệ của Quảng Ninh dựa trên các nguồn lực của Tỉnh, đồng thời tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước. Đẩy mạnh FDI, liên kết công-tư (PPP), ODA để đầu tư cho khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của các thành phần trong xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ.

e) Phát triển khoa học và công nghệ một cách đồng bộ giữa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, tập trung đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, phân tích kiểm định, kiểm nghiệm đảm bảo đủ mạnh nhằm kiểm soát được các hoạt động về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường.

g) Phát triển khoa học và công nghệ và ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế – xã hội kết hợp chặt chẽ với đảm bảo vững chắc quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phấn đấu đưa khoa học và công nghệ trở thành nền tảng và động lực then chốt trong tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của tỉnh đạt 12–13% trong giai đoạn 2011–2020. Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh tiên tiến trong vùng Đồng bằng sông Hồng về khoa học và công nghệ vào năm 2020.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2015

– Xây dựng 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tạo tiền đề hình thành mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương.

– Chuẩn bị hình thành khu công nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh. Hình thành khu sản xuất thực nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

– Nâng cấp các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; Trung tâm khoa học và sản xuất lâm nông nghiệp; Trung tâm khoa học và sản xuất giống thủy sản theo hướng hiện đại và có đủ năng lực đáp ứng theo yêu cầu của mô hình khoa học và công nghệ tiên tiến.

– Củng cố và nâng cao năng lực phân tích, kiểm định và thử nghiệm tập trung cho 3 lĩnh vực: Phân tích, quan trắc môi trường; kiểm soát vệ sinh an toàn

thực phẩm; kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm đảm bảo các yêu cầu phục vụ chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

– Thành lập trường đại học Hạ Long đào tạo đa ngành, đa cấp. Năm 2015, số lượng thạc sỹ, tiến sỹ tăng gấp 1,5 lần so với năm 2011. Phân đầu có một số chuyên gia, nhà khoa học giỏi trong các lĩnh vực sinh học, nông nghiệp, dịch vụ tư vấn và y tế.

– Số doanh nghiệp sản xuất tiến hành hoạt động đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm; đến năm 2015 có 250–300 doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng.

– Đến năm 2015: Phân đầu có ít nhất 1 sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm quốc gia; phân đầu hình thành từ 4–5 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển thương hiệu cho 30 sản phẩm; hỗ trợ xác lập, khai thác và phát triển 250–300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó có 10–15 sáng chế; Quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật đối với 80% các sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường (*Sản phẩm hàng hoá nhóm 2*).

– Phân đầu nâng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 40% giá trị sản xuất công nghiệp của Tỉnh vào năm 2015.

– Hoàn thành việc xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử, trung tâm hành chính công trên địa bàn Tỉnh.

b) Đến năm 2020

– Xây dựng 4–5 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hoàn thiện 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành 4–5 vùng chuyên canh ứng dụng công nghệ cao.

– Hình thành khu công nghiệp công nghệ cao Quảng Ninh; hình thành 4–5 doanh nghiệp công nghệ cao.

– Hoàn thiện các cơ sở nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ của trường đại học Hạ Long đào tạo đa ngành, đa cấp. Năm 2020, số lượng thạc sỹ, tiến sỹ tăng gấp 2 lần so với năm 2015. Phân đầu đến năm 2020 toàn Tỉnh có 150 tiến sỹ.

– Phân đầu nâng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 45% giá trị sản xuất công nghiệp của Tỉnh.

– Số doanh nghiệp sản xuất tiến hành hoạt động đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm. Có 500–600 doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng. Quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật đối với 100% các sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường.

– Phân đầu có ít nhất 02 sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm quốc gia; Xây dựng và phát triển thương hiệu cho 70 sản phẩm; Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho 700–800 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó có tối thiểu 50 sáng chế.

– Hoàn thành việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử trên địa bàn Tỉnh.

c) Tầm nhìn đến năm 2030

Các doanh nghiệp của Tỉnh có năng lực thiết kế các sản phẩm mới, công nghệ mới mang thương hiệu Quảng Ninh. Hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ của Tỉnh có năng lực hỗ trợ các doanh nghiệp làm chủ, thích nghi công nghệ mới; Tiến hành các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm; Thiết kế công nghệ mới, sản phẩm mới; Sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa các sản phẩm và công nghệ mới.

3. Nội dung cơ bản của Quy hoạch

3.1. Nhiệm vụ của các lĩnh vực khoa học và công nghệ

a) Khoa học xã hội

– Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lịch sử, thuần phong, mỹ tục cho thế hệ thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Quảng Ninh.

– Nghiên cứu tiếp cận, nắm vững các quan điểm lý luận và thực tiễn của Đảng, Nhà nước; đúc rút kinh nghiệm quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nền kinh tế, vận dụng một cách đúng đắn và sáng tạo vào thực tiễn quản lý kinh tế, quản lý nhà nước ở Quảng Ninh.

– Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ, các loại hình sản phẩm du lịch độc đáo, các tuyến, điểm du lịch hợp lý, liên kết lẫn hành trong và ngoài nước có chất lượng cao (du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch đồng quê, du lịch biển, du lịch mạo hiểm...).

– Ứng dụng công nghệ cao phục vụ giảng dạy ở tất cả các cấp học, ngành học, nhất là học ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh.

– Đẩy mạnh phổ biến, truyền thông về giá trị của các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam và phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Khoa học nhân văn

– Nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc Quảng Ninh cho mục đích nâng cao đời sống và phát triển du lịch.

– Nghiên cứu các vấn đề về an ninh, tâm lý dân cư, dân tộc, tôn giáo và các vấn đề tội phạm trên địa bàn tỉnh.

c) Khoa học tự nhiên

– Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các nguồn lợi tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: tài nguyên biển, tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên rừng, khoáng sản, các nguồn lợi thủy hải sản trên địa bàn phục vụ cho công tác quản lý và phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

– Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, các quy luật diễn biến của các quá trình tự nhiên để chủ động phòng tránh ảnh hưởng do biến đổi khí hậu, tác động của môi trường. Ứng dụng các kỹ thuật hiện đại để ứng phó với biến đổi khí hậu.

– Điều tra, bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý các nguồn gen quý hiếm của tỉnh.

d) Khoa học kỹ thuật và công nghệ

– Nghiên cứu sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

– Ứng dụng công nghệ khai thác hiện đại, chế biến sâu, nâng cao hệ số thu hồi và hiệu quả sử dụng tổng hợp trong khai thác khoáng sản.

– Ứng dụng các công nghệ trong sản xuất và chế biến sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

– Nghiên cứu thiết kế các mẫu công trình xây dựng đô thị, dân dụng sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng.

– Ứng dụng công nghệ mới để tái sử dụng chất thải của các nhà máy nhiệt điện.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thiết kế, quản lý chất lượng công trình xây dựng, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, vận tải, ứng dụng các loại vật liệu mới trong xây dựng công trình giao thông.

– Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa để quảng bá, xúc tiến, quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tạo sự khác biệt cho thương hiệu du lịch của Quảng Ninh.

– Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các nguồn lợi tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đất đai, đô thị.

– Hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong các dịch vụ tài chính, ngân hàng và các dịch vụ phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh.

– Ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng lớp học thông minh, trường học thông minh, thành phố thông minh, tỉnh thông minh.

– Nghiên cứu lựa chọn, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong việc quan trắc, giám sát môi trường, xử lý chất thải, rác thải, đảm bảo môi trường.

– Triển khai kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

– Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

– Đẩy nhanh tiến độ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử trên địa bàn Tỉnh.

e) Khoa học nông nghiệp

– Nghiên cứu xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp.

– Ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến để nhân giống và nuôi trồng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản là sản phẩm xây dựng thương hiệu của tỉnh và các sản phẩm đặc sắc nổi tiếng của địa phương; Lựa chọn và sản

xuất các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực đáp ứng quy mô sản xuất lớn, sản xuất hàng hóa của tỉnh.

g) Khoa học Y và dược

– Quy hoạch nuôi trồng, khai thác, chế biến các cây dược liệu quý của tỉnh.

– Đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, tăng cường ứng dụng các phương pháp khoa học, công nghệ của y học hiện đại, y học cổ truyền trong hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế của tỉnh nhằm nâng cao năng lực cho các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện góp phần giảm thiểu tình trạng quá tải bệnh viện.

– Tăng cường năng lực kỹ thuật phân tích, kiểm soát an toàn thực phẩm.

3.2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý

– Ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác quản lý Nhà nước và cải cách hành chính.

– Thực hiện Đề án rà soát, đánh giá năng lực hoạt động, bố trí nguồn lực, kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các Sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tăng cường phân cấp cho các địa phương, các ngành trong quản lý, triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ.

– Khảo sát, tìm kiếm, xây dựng nguồn lực thông tin, tiếp nhận công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến của các nước phát triển nhằm đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa có lợi thế của tỉnh Quảng Ninh.

– Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng, xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh; quảng bá thương hiệu trên thị trường. Đẩy mạnh hoạt động sáng kiến; Cung ứng dịch vụ khai thác SHTT. Đẩy mạnh công tác bảo hộ quyền SHTT theo các chuẩn mực quốc tế nhằm thu hút các doanh nghiệp FDI mạnh dạn và an tâm đầu tư và chuyển giao công nghệ vào trong tỉnh.

– Đảm bảo 100% cơ sở bức xạ đều được kiểm tra đủ điều kiện hoạt động. Thâm định kịp thời việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

– Hỗ trợ cho các Doanh nghiệp của tỉnh nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

– Nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong việc thực thi các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp và lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

– Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.

– Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ công về khoa học và công nghệ: dịch vụ tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng.

– Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Quảng Ninh.

3.3. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

a) Nhân lực khoa học và công nghệ

Xây dựng trường Đại học Hạ Long nhằm đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, đặc biệt là nhân lực trình độ cao.

Tăng cường triển khai thu hút và tổ chức đào tạo để sớm có đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc các ngành, lĩnh vực trọng điểm, chủ lực (sinh học, nông nghiệp, dịch vụ tư vấn và y tế...).

b) Tổ chức khoa học và công nghệ

– Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

+ Nâng cấp các Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Khoa học kỹ thuật và sản xuất giống Thủy sản Quảng Ninh, Trung tâm khoa học và sản xuất lâm nông nghiệp Quảng Ninh.

+ Hình thành các bộ phận nghiên cứu và phát triển tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp, hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ bên ngoài để từng bước làm chủ, thích nghi, cải tiến công nghệ nhập, tiến tới tự chủ nghiên cứu, thiết kế công nghệ, sản phẩm mới.

– Các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ

+ Rà soát, đánh giá năng lực hoạt động, bố trí nguồn lực, kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các Sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Hỗ trợ, khuyến khích để đẩy nhanh tiến độ thành lập các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Khu sản xuất thực nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ... nhằm đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu ứng dụng và làm chủ các tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất.

+ Củng cố và nâng cao năng lực cho của 3 Trung tâm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng; Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường nhằm đảm bảo các yêu cầu về phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Hỗ trợ, khuyến khích để đẩy nhanh tiến độ thành lập các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Khu sản xuất thực nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ...

+ Đầu tư phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ với trung ương, với các địa phương thuộc tỉnh; phát triển giao dịch công nghệ, thị trường

công nghệ. Nâng cao năng lực cho Trung tâm Tin học và Thông tin tư liệu nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác thống kê, lưu trữ cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ.

– Duy trì và nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ, từng bước tiến tới xây dựng thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Xây dựng các khu công nghệ cao

Xây dựng vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiến tới phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ cao.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của chính quyền trong quá trình phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn Tỉnh. Trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của các cấp các ngành, các doanh nghiệp phải có kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh tuyên truyền nhận thức về vai trò động lực của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế – xã hội, là yếu tố quyết định hàng đầu đến tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ, chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất là nhiệm vụ của doanh nghiệp, các nhà khoa học.

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phải tăng cường thực hiện đổi mới, làm chủ, thích nghi, cải tiến công nghệ trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, sự nghiệp CNH, HĐH mới nhanh chóng đạt được mục tiêu đề ra.

4.2. Xây dựng cơ chế đặc biệt để tạo nguồn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ và thu hút, sử dụng, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ

Xây dựng cơ chế tài chính đặc biệt trong huy động nguồn đầu tư cho khoa học và công nghệ từ doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các nguồn ODA, FDI; kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2013–2020 (các chương trình, đề án, dự án khoa học và công nghệ), đặc biệt là sử dụng để kinh phí để xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở khoa học và công nghệ.

Xây dựng cơ chế, chính sách trọng dụng, đãi ngộ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của Tỉnh; Thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách thuế, thu hút các nhà khoa học, chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước về làm việc.

Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư, khuyến khích mạnh mẽ việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ khoa học và công nghệ. Ưu tiên kinh phí cho đào tạo, thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao (tiến sỹ, thạc sỹ, giáo sư, phó giáo sư) trong nước và nước ngoài.

Tăng cường nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất cho xây dựng các tổ chức khoa học và công nghệ của Tỉnh để đến 2020 có khả năng làm chủ một số công nghệ cao đưa vào ứng dụng có hiệu quả trong các ngành kinh tế của Tỉnh.

4.3. Phát huy vai trò doanh nghiệp trong quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

Phát huy vai trò của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh trong việc hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để chủ động đầu tư cho các hoạt động đổi mới của doanh nghiệp. Tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, tài trợ về tài chính, đất đai,... để khuyến khích các doanh nghiệp phát triển đội ngũ nhân lực trình độ cao, thành lập các cơ sở, tổ chức, trung tâm, trạm trại NC&PT.

Tập trung hỗ trợ đầu tư phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp tiến hành xây dựng các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao.

Các doanh nghiệp lớn của nhà nước đóng trên địa bàn Tỉnh cần tham gia tích cực trong đổi mới công nghệ và thực hiện việc lan toả công nghệ, đào tạo nhân lực có trình độ cho các doanh nghiệp của Tỉnh.

4.4. Xây dựng các cụm phát triển và tạo môi liên kết cụm trong quy hoạch khoa học và công nghệ

Phát triển cụm ngành là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến phát triển năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; cụm có thể giúp phát huy các yếu tố gần gũi về địa lý, huy động cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ của các viện nghiên cứu, liên kết hợp tác phổ biến, lan toả công nghệ đến doanh nghiệp, hình thành doanh nghiệp đầu đàn.

Ưu tiên hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để thúc đẩy phát triển du lịch; phát triển thương mại biên mậu; phát triển cơ khí điện tử; phát triển chế biến nông lâm thủy sản; phát triển vật liệu xây dựng.

4.5. Xây dựng cơ chế hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và huy động nguồn lực của doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ

Tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Đổi mới cơ chế hỗ trợ ngân sách nhà nước cho các đề tài, dự án, đề án do doanh nghiệp chủ trì thực hiện hoặc phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện.

Song song với chính sách phát triển nhanh số lượng doanh nghiệp, cần có chính sách huy động nguồn lực của doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ: Vận dụng cơ chế hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, tài trợ theo cơ chế sản xuất thử nghiệm cho các hoạt động nghiên cứu ứng dụng của doanh nghiệp; Cho vay lãi suất thấp, không lấy lãi, tài trợ, hỗ trợ lãi vay đối với dự án ươm tạo công

nghe, ươm tạo doanh nghiệp, dự án sản xuất sản phẩm mới; Hỗ trợ thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp...

Vận dụng cơ chế liên kết công – tư (PPP), đầu tư mạo hiểm để tạo ra các dự án sản xuất sản phẩm mới, hình thành các doanh nghiệp và các ngành công nghiệp mới, có tiềm năng thế mạnh của Tỉnh. Sử dụng nguồn ODA để đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ và nguồn từ FDI để thu hút công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

4.6. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn Tỉnh

– Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Tỉnh triển khai thực hiện chế độ hỗ trợ, tài trợ và cho vay đối với các đề tài nghiên cứu ứng dụng, dự án SXTN, dự án ứng dụng, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

– Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và đầu tư phát triển của tỉnh được ưu tiên cho việc hỗ trợ đổi mới công nghệ, ươm tạo, thành lập các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Áp dụng các chế độ thuế, tín dụng ưu đãi đối với hoạt động khoa học và công nghệ, công nghệ cao của tỉnh theo các quy định của luật pháp hiện hành.

– Khuyến khích liên kết nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh với các cơ sở sản xuất – kinh doanh trong tỉnh. Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sáng chế; xây dựng thương hiệu sản phẩm; áp dụng các tiêu chuẩn quản lý ISO; bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa các sản phẩm đặc trưng của Tỉnh.

– Tích cực tham gia vào các chương trình trọng điểm quốc gia để thu hút các cơ quan Trung ương về đầu tư, hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ với các tỉnh thành, các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

– Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả công việc, đặc biệt các thủ tục liên quan đến khoa học và công nghệ như hỗ trợ thành lập và phát triển các doanh nghiệp, tài trợ, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ lãi suất vay từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

– Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, hỗ trợ chuyển giao công nghệ; thông tin, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực tiếp thu công nghệ của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các trang trại, các hộ nông dân.

– Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trong Tỉnh liên kết, hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, trường đại học ngoài nước để nghiên cứu, chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ.

5. Đầu tư ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Ngoài việc tăng cường huy động các nguồn lực từ xã hội đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ. Hàng năm, dành từ 4–5% ngân sách chi thường xuyên của tỉnh đầu tư cho khoa học công nghệ và ứng dụng, chuyển giao làm chủ khoa học và công nghệ theo nguyên tắc:

* Ngân sách sự nghiệp khoa học được bố trí hàng năm để triển khai thực hiện các nội dung:

– Triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, dự án khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh.

– Triển khai các Đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ theo danh mục được UBND tỉnh phê duyệt.

– Triển khai các nhiệm vụ khoa học theo các Chương trình Quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh được Bộ Khoa học và công nghệ phê duyệt.

– Triển khai các nhiệm vụ thường xuyên phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ; Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ; Kiểm soát an toàn và bức xạ hạt nhân; Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; Công tác thanh tra khoa học và công nghệ...

– Triển khai các nhiệm vụ khác: xác lập, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, tạo lập khai thác; quản lý phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm đặc thù của địa phương; tham gia hoạt động Chợ công nghệ, Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị...

* Ngân sách dành cho đầu tư phát triển được bố trí hàng năm để thực hiện các nội dung:

– Triển khai các dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; các dự án tăng cường tiềm lực phục vụ cho công tác phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm.

– Hình thành các Khu, cụm công nghệ cao; khu nông nghiệp công nghệ cao; các khu ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp.

– Hỗ trợ đầu tư phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

– Bổ sung dành cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các nội dung được Quy định của Điều lệ Quỹ (Bổ sung hàng năm để đảm bảo nguồn quỹ tối thiểu theo Điều lệ).

Tỷ lệ bố trí:

– Giai đoạn 2014–2015: Bố trí ngân sách cho sự nghiệp khoa học/đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 20/80%.

– Giai đoạn 2016–2020: Bố trí ngân sách cho sự nghiệp khoa học/đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 30/70%.

– Giai đoạn 2021–2030: Bố trí ngân sách cho sự nghiệp khoa học/đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 40/60%.

2. Dự kiến danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên sử dụng vốn ngân sách đến năm 2020 tại phụ lục kèm theo.

6. Tổ chức thực hiện

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, làm đầu mối hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quy hoạch; định kỳ cập nhật, báo cáo tình hình, đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh điều chỉnh thực hiện Quy hoạch cho phù hợp với tình hình, bối cảnh thực tiễn phát triển.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và cho từng giai đoạn để thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Sở khoa học và công nghệ trong xây dựng kế hoạch, hoàn thiện cơ chế phân bổ, tổ chức triển khai, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nguồn tài chính dành cho đầu tư phát triển.

c) Sở Tài chính chủ trì, tham mưu phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học cho giai đoạn và hàng năm để thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính đặc thù áp dụng trong hoạt động khoa học và công nghệ trình cấp thẩm quyền phê duyệt; vận dụng cơ chế, chính sách và chế độ quản lý tài chính của nhà nước để sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính đầu tư cho khoa học và công nghệ.

d) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách thu hút, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao của tỉnh. Xây dựng chính sách, chế độ đối với cán bộ khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ.

e) Các sở, ban, ngành, địa phương: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nội dung liên quan trong Quy hoạch, tổ chức xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ và Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm ở cấp mình.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c)
- TTTU, TT HĐND Tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Các Sở, UBND các huyện, TX, TP;
- V0, V3, KH&CN, TH3;
- Công TTĐT;
- Lưu VT, KH&CN.

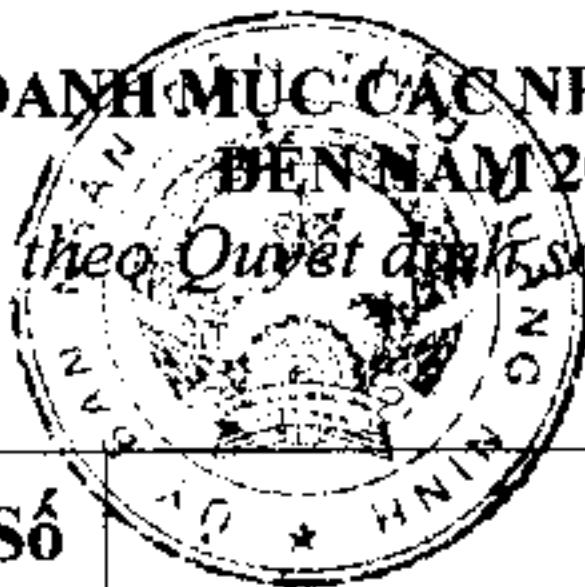
K40 bản. QĐ 29.5.14

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Đặng Huy Hậu

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ƯU TIÊN
ĐẾN NĂM 2020 TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP KHOA HỌC**
(Kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND tỉnh)



Số TT	Các nhiệm vụ KH&CN
I	Khoa học xã hội
1	Nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho quản lý kinh tế, quản lý nhà nước tại địa phương (các mô hình đặc khu hành chính – kinh tế, kinh tế thương mại biên mậu, kinh tế du lịch, kinh tế vận tải, kinh tế địa lý)
2	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả việc giáo dục lịch sử, thuần phong, mỹ tục cho thế hệ thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Quảng Ninh
3	Nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ, sản phẩm lưu niệm thủ công mỹ nghệ, ẩm thực; biểu diễn thời trang, nghệ thuật dân tộc...
4	Ứng dụng công nghệ cao phục vụ giảng dạy ở tất cả các cấp học, ngành học, nhất là học ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh
II	Khoa học nhân văn
5	Nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc Quảng Ninh cho mục đích nâng cao đời sống và phát triển du lịch
6	Nghiên cứu các vấn đề về an ninh, tâm lý dân cư, dân tộc, tôn giáo và các vấn đề tội phạm trên địa bàn tỉnh
III	Khoa học tự nhiên
7	Điều tra các nguồn lợi tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: tài nguyên biển, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng...
8	Bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý các nguồn gen quý hiếm của tỉnh Quảng Ninh
IV	Khoa học kỹ thuật và công nghệ

Số TT	Các nhiệm vụ KH&CN
9	Đổi mới công nghệ trong chế biến sản phẩm lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống
10	Nghiên cứu thiết kế các mẫu công trình xây dựng đô thị, dân dụng: sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng
11	Ứng dụng công nghệ mới để tái sử dụng chất thải của các nhà máy nhiệt điện
12	Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong thiết kế, thi công, bảo trì, bảo dưỡng các công trình giao thông
13	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa để quảng bá, xúc tiến, quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tạo sự khác biệt cho thương hiệu du lịch của Quảng Ninh
14	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hệ thống cảng, hoạt động tàu, thuyền.
15	Ứng dụng các công nghệ hiện đại trong việc quan trắc, giám sát môi trường. Duy trì và mở rộng hệ thống tự động giám sát và cảnh báo thiên tai
16	Nghiên cứu lựa chọn, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong việc xử lý chất thải, rác thải, đảm bảo môi trường.
17	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ
V	Khoa học Nông nghiệp
18	Nghiên cứu lựa chọn và sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực đáp ứng quy mô sản xuất lớn, sản xuất hàng hóa của tỉnh
19	Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nhân giống và nuôi trồng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản là sản phẩm xây dựng thương hiệu của tỉnh và các sản phẩm đặc sắc của địa phương
VI	Khoa học Y và dược
20	Nghiên cứu lựa chọn vùng nuôi trồng, khai thác, chế biến các cây dược liệu quý hiếm

Số TT	 Các nhiệm vụ KH&CN
21	Đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, tăng cường ứng dụng các phương pháp khoa học, công nghệ của y học hiện đại, y học cổ truyền trong hội chẩn, tư vấn, khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế của tỉnh
VII	Nhiệm vụ KH&CN phục vụ quản lý
22	Đề án rà soát, đánh giá năng lực hoạt động, bố trí nguồn lực, kiện toàn các tổ chức KH&CN công lập thuộc các Sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
23	Đề án Hội nhập quốc tế: Khảo sát, tìm kiếm, xây dựng nguồn lực thông tin, tiếp nhận công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến của các nước phát triển nhằm đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa có lợi thế của tỉnh Quảng Ninh
24	Phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu tỉnh Quảng Ninh
25	Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
26	Đề án thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Quảng Ninh
VIII	Phát triển tiềm lực KH&CN
27	Đề án thành lập Doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, hỗ trợ phát triển các tổ chức KH&CN của doanh nghiệp
IX	Phối hợp triển khai thực hiện các Dự án KH&CN thuộc chương trình cấp nhà nước theo chương trình của các Bộ, ngành Trung ương.

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ƯU TIÊN
ĐẾN NĂM 2020 TỪ NGUỒN ĐẦU TƯ CHO KH&CN**
(*Hàm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND tỉnh*)

Số TT	Các nhiệm vụ KH&CN
1	Đề án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh
2	Đầu tư phát triển mạng thông tin KH&CN cung cấp các thông tin KH&CN cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Nâng cao năng lực cho Trung tâm Tin học và Thông tin tư liệu nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác thống kê, lưu trữ cơ sở dữ liệu về KH&CN
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các nguồn lợi tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đất đai, đô thị
4	Đầu tư bổ sung các trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm cho các Tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh: Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN; Trung tâm Khoa học kỹ thuật và sản xuất giống Thủy sản Quảng Ninh, Trung tâm khoa học và sản xuất lâm nông nghiệp Quảng Ninh...
5	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động KH&CN của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường
6	Đầu tư nâng cao năng lực cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn – Đo lường
7	Hình thành Khu sản xuất thực nghiệm, trình diễn và chuyển giao tiến bộ KH&CN
8	Đầu tư nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ
9	Bổ sung vốn điều lệ hàng năm cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ
10	Đề án hình thành cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành khu công nghiệp công nghệ cao
11	Đề án hình thành cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao